

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện không phụ thuộc vào địa giới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Nghị định 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 5891/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 34/TTr-SNNMT ngày 13/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Đính kèm 02 Phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Thay thế thủ tục số 04 Phần I (cấp tỉnh) thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; thủ tục số 02 Phần I (cấp tỉnh), Mục A thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thay thế thủ tục hành chính số 01, 04 và bãi bỏ thủ tục hành chính số 02, Phần VIII (cấp tỉnh); thay thế thủ tục hành chính số 10, Phần XII (cấp tỉnh) Mục A thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm CB và Công TTĐT tỉnh;
- TTPVHCC tỉnh: LĐ, các Phòng;
- Lưu: VT, NTL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM; TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI
HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**I. Thủ tục hành chính mới ban hành (cấp tỉnh)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng Mã thủ tục: 1.014605	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Không	- Điều 14, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

II. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (cấp tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM				
1	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp Mã thủ tục: 3.000198	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống; - Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đối với hoạt động bình tuyển, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện.	- Khoản 7, Điều 6 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	04 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Điều 9, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

	Mã thủ tục: 3.000179	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	các cấp trên địa bàn tỉnh		trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	Nộp tiền trồng rừng thay thế Mã thủ tục: 1.007916	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án; 27 ngày làm việc đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác	Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Không	- Điều 11, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của 44 Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc

					phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Xác nhận bảng kê lâm sản Mã thủ tục: 1.000045	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án; 27 ngày làm việc đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác	Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Không	- Điều 5. Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2. Điều 20. Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
II	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT				
1	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính	Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp	Không quy định	- Điều 42 Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Điều 23 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/02/2018 quy

	Mã thủ tục: 1.003395	thời gian tổ chức, cá nhân khắc phục hồ sơ nếu có)	trên địa bàn tỉnh		định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Thông tư số 44/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu. - Điều 24 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật - Điều 2 Thông tư số 77/2025/TTBNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ các thông tư do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và Thông tư số 12/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
--	----------------------	--	-------------------	--	---

					- Quyết định số 5891/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
--	--	--	--	--	---

III. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ (cấp tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng Mã thủ tục: 3.000180	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Không	- Khoản 8, Điều 9, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của 44 Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN KHÔNG PHỤC THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

1. Quy trình Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng (Mã số TTHC: 1.014605)

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ <i>(trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, phải thông báo bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do)</i> , trả lời ngay đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử và chuyển cho Chi cục Kiểm lâm	0.5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Kiểm lâm	Xem xét, phân công công chức thuộc Phòng chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu	0.5 ngày
Bước 3	Công chức Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Kiểm lâm	- Kiểm tra thông tin hồ sơ về diện tích rừng đề nghị cấp mã số bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 84/2025/TT-BNNMT; đối chiếu với hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; + Trường hợp đồng bộ: Dự thảo kết quả cấp mã số <i>(Mẫu 01 Phụ lục V)</i> và tạo mã QR.	06 ngày

		+ Trường hợp chưa đồng bộ: Dự thảo văn bản thông báo gửi chủ rừng hoặc người ủy quyền xác minh để bổ sung thông tin, hồ sơ <i>(trong 05 ngày làm việc)</i> hoặc văn bản từ chối nếu không đủ điều kiện. - Trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn, nghiệp vụ xem xét.	
Bước 4	Lãnh đạo Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Kiểm lâm	- Xem xét, kiểm tra lại kết quả thẩm định và dự thảo do chuyên viên trình. - Trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm phê duyệt hoặc văn bản từ chối nếu không đủ điều kiện.	01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	- Xem xét hồ sơ trình của Phòng chuyên môn, nghiệp vụ. - Ký duyệt cấp Mã số <i>(kèm mã QR)</i> cho chủ rừng hoặc ký văn bản thông báo/từ chối <i>(nêu rõ lý do)</i> .	01 ngày
Bước 6	Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Kiểm lâm	Chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	0.5 ngày
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả giải quyết TTHC cho Chủ rừng hoặc người được ủy quyền <i>(trực tiếp hoặc qua bưu chính)</i> .	0.5 ngày
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính			10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ

2. Quy trình Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mã số TTHC: 3.000198)

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
--------------------	-------------------	--------------------	---------------------

Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ (<i>trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, phải thông báo bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do</i>), trả lời ngay đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử và chuyển cho Chi cục Kiểm lâm.	0.5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Kiểm lâm	Xem xét, phân công công chức tham mưu	0.5 ngày
Bước 3	Công chức thuộc Phòng chuyên môn, nghiệp vụ	- Tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định, tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường, lập biên bản thẩm định và báo cáo thẩm định chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn, nghiệp vụ. - Nếu không công nhận thì tham mưu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	10 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Kiểm lâm	Xem xét hồ sơ, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0.5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét, công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp hoặc thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do trường hợp không công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	1.5 ngày
Bước 6	Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Kiểm lâm	Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	0.5 ngày
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	0.5 ngày
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính			14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ

3. Quy trình Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (Mã số TTHC: 3.000179)

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, trả lời trực tiếp tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản (<i>trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, phải thông báo bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do</i>) và chuyển cho Phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, phân công công chức tham mưu	0.5 ngày
Bước 3	Công chức thuộc Phòng chuyên môn	- Xem xét, tổ chức thẩm định hồ sơ cấp giấy phép xuất khẩu nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp; lập biên bản thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn. - Trường hợp không cấp lại thì phải tham mưu văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (<i>trường hợp không cấp lại thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân</i>)	0.5 ngày

Bước 6	Phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	0.5 ngày
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	0.5 ngày
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính			04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ

4. Quy trình Nộp tiền trồng rừng thay thế (Mã số TTHC: 1.007916)

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<i>(i) Trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án: 18 ngày làm việc</i>			
Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường: 05 ngày làm việc			
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản gửi tổ chức biết để hoàn thiện và nêu rõ lý do</i>). Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận, chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết	0.5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, phân công công chức thuộc Phòng chuyên môn tham mưu	0.5 ngày
Bước 3	Công chức thuộc Phòng chuyên môn	Kiểm tra, tham mưu hồ sơ trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn	02 ngày

Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét	01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, ký duyệt hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (<i>thông qua Phòng chuyên môn</i>)	01 ngày
Thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh; trách nhiệm của Chủ dự án và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng: 13 ngày làm việc			
Bước 6	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Xem xét, phân công công chức thuộc Phòng chuyên môn tham mưu	0.5 ngày
Bước 7	Công chức thuộc Phòng chuyên môn	Rà soát, kiểm tra và hiệu chỉnh hồ sơ (<i>thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế của chủ dự án và đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh</i>) trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	1.5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Xem xét, thông qua dự thảo văn bản và trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	0.5 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	Xem xét, ký duyệt hồ sơ chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày
Bước 10	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyển kết quả cho Chủ dự án	0.5 ngày
Bước 11	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế	07 ngày
Bước 12	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Thông báo bằng văn bản về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	02 ngày
Bước 13	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả giải quyết TTHC cho Chủ dự án	0.5 ngày

<i>(ii) Trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác: 27 ngày làm việc</i>			
Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường: 05 ngày làm việc			
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản gửi tổ chức biết để hoàn thiện và nêu rõ lý do</i>). Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận, chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết	0.5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, phân công công chức thuộc Phòng chuyên môn tham mưu	0.5 ngày
Bước 3	Công chức thuộc Phòng chuyên môn	Kiểm tra, tham mưu hồ sơ trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn	02 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét	01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, ký duyệt hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (<i>thông qua Phòng chuyên môn</i>)	01 ngày
Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận kinh phí trồng rừng thay thế và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng: 22 ngày làm việc			
Bước 6	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Xem xét, phân công công chức thuộc Phòng chuyên môn tham mưu	0.5 ngày
Bước 7	Công chức thuộc Phòng chuyên môn	Rà soát, kiểm tra và hiệu chỉnh hồ sơ (<i>văn bản đề nghị chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế tại địa phương khác</i>) trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	1.5 ngày

Bước 8	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Xem xét, thông qua dự thảo văn bản và trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	0.5 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	Xem xét, ký duyệt hồ sơ chuyển Bộ Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày
Bước 10	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận kinh phí trồng rừng thay thế cung cấp thông tin về địa điểm, diện tích, đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh tại thời điểm chủ đầu tư dự án đề nghị nộp tiền	05 ngày
Bước 11	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận kinh phí trồng rừng thay thế	Có văn bản xác nhận việc bố trí diện tích, loại rừng, địa điểm, đơn giá, kinh phí và bản sao quyết định phê duyệt đơn giá trồng rừng của tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường	08 ngày
Bước 12	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về việc bố trí thực hiện trồng rừng tại địa phương khác	03 ngày
Bước 13	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chuyển tiền trồng rừng thay thế về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng <i>* Xử lý chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế (nếu có):</i> - Trường hợp số tiền phải nộp theo đơn giá của tỉnh nơi tiếp nhận cao hơn số tiền đã nộp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thông báo cho chủ đầu tư dự án; trong thời hạn 07 ngày làm việc, chủ đầu tư dự án phải nộp bổ sung số tiền chênh lệch. - Trường hợp số tiền phải nộp theo đơn giá của tỉnh nơi tiếp nhận thấp hơn số tiền đã nộp: trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận hoàn trả số tiền chênh lệch và tiền lãi cho chủ đầu tư)	02 ngày

Bước 14	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Thông báo bằng văn bản về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	0.5 ngày
Bước 15	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả giải quyết TTHC cho Chủ dự án	0.5 ngày
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính			(i) Trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án: 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; (ii) Trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác: 27 ngày

5. Quy trình Xác nhận bằng kê lâm sản (Mã số TTHC: 1.000045)

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Công chức, viên chức tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho bộ phận chuyên môn thuộc Cơ quan Kiểm lâm sở tại xử lý; trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	0.25 ngày
Bước 2	Bộ phận chuyên môn thuộc Cơ quan Kiểm lâm sở tại	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ; trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản phải thông báo cho chủ lâm sản về việc xác minh; tiến hành xác minh, lập biên bản xác minh; trường hợp không xác nhận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trình hồ sơ cho Lãnh đạo Cơ quan Kiểm lâm sở	- 01 ngày đối với trường hợp không phải xác minh;

		tại xem xét	- 02 ngày đối với trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản; - 03 ngày đối với trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp.
Bước 3	Lãnh đạo Cơ quan Kiểm lâm sở tại	Xem xét, ký duyệt xác nhận Bảng kê lâm sản chuyển bộ phận chuyên môn thuộc Cơ quan Kiểm lâm sở tại trả kết quả	0.25 ngày
Bước 4	Bộ phận chuyên môn thuộc Cơ quan Kiểm lâm sở tại	Chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	0.25 ngày
Bước 5	Trung tâm phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	0.25 ngày
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:			02 ngày; 03 ngày hoặc 04 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC TRÔNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu.

Mã số TTHC: 1.003395

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường: 1,25 ngày làm việc			

Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trả giấy tiếp nhận hoặc không tiếp nhận ngay cho người nộp hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi người nộp hồ sơ biết để hoàn thiện và nêu rõ lý do</i>). Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính, tổng hợp thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0,25 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Hành, tổng hợp	Chuyển hồ sơ cho Chuyên viên Phòng Kiểm dịch và Quản lý vật tư xử lý.	
Bước 3	Chuyên viên của Phòng Kiểm dịch và Quản lý vật tư	Thẩm định, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo phòng trình Lãnh đạo Chi cục xem xét văn bản giải quyết TTHC	0,25 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Kiểm dịch và Quản lý vật tư	Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục xem xét văn bản giải quyết TTHC	0,25 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Xem xét, thông qua dự thảo văn bản giải quyết TTHC trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	
Bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét dự thảo văn bản giải quyết TTHC.	0,25 ngày
Bước 7	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lấy số, lưu hồ sơ (Tờ trình) và chuyển dự thảo văn bản giải quyết TTHC.	0,25 ngày làm việc
Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,75 ngày làm việc			
Bước 8	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn của Văn phòng UBND tỉnh	Từ bước 8 - bước 13: 0,5 ngày

Bước 9	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn của VP UBND tỉnh	Chuyển hồ sơ cho công chức được giao xử lý hồ sơ	
Bước 10	Công chức được giao xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn của VP UBND tỉnh dự thảo văn bản giải quyết TTHC	
Bước 11	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn của VP UBND tỉnh	Xem xét, thông qua dự thảo văn bản giải quyết TTHC trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh.	
Bước 12	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thông qua dự thảo văn bản giải quyết TTHC trình Lãnh đạo UBND tỉnh.	
Bước 13	Chủ tịch UBND tỉnh	Ký văn bản giải quyết TTHC của UBND tỉnh. Chuyển Văn thư/Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 14	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	Lấy số, lưu hồ sơ và chuyển văn bản giải quyết TTHC cho công chức, viên chức tại Trung tâm phục vụ Hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Bước 15	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính			02 ngày làm việc